CÔNG TY TNHH MTV TỰ HÀO MỸ THO

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
MAY GIA CÔNG THÚ NHỒI BÔNG, BA LÔ, TÚI XÁCH
(ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang)

Mỹ Tho, năm 2024

CÔNG TY TNHH MTV TỰ HÀO MỸ THO

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
MAY GIA CÔNG THÚ NHỒI BÔNG, BA LÔ, TÚI XÁCH
(ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang)

CHỦ CƠ SỞ

Ngô Thị Vương Loan

Mỹ Tho, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii
DANH MỤC CÁC BẢNG iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ v
Chương I 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Tự Hào Mỹ Tho 1
2. Tên cơ sở: May gia công thú nhồi bông, ba lô, túi xách 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 2
3.3. Sản phẩm của cơ sở 3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 3
4.1. Nguyên liệu phục vụ sản xuất 3
4.3. Nhu cầu dùng điện và nguồn cung cấp điện 4
4.4. Nhu cầu dùng nước và nguồn cung cấp nước 4
Chương II 5
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 5
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 5
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 5
Chương III 6
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 6
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 6
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 6
1.2. Thu gom, thoát nước thải 7
1.3. Xử lý nước thải 8
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 11
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 11
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 12

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung **13**
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường..... **14**
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ 14
6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải 17
Chương IV 19
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 19
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải..... **19**
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải..... **20**
Chương V 21
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 21
Chương VI..... 22
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 22
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải **22**
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật..... **22**
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 22
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 22
Chương VII 23
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 23
Chương VIII 24
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 24
PHỤ LỤC BÁO CÁO 25

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV:	Một thành viên
TMDV:	Thương mại dịch vụ
QĐ:	Quyết định
GP:	Giấy phép
TT:	Thông tư
NĐCP:	Nghị định Chính phủ
UBND:	Ủy ban Nhân dân
STT:	Số thứ tự
ĐVT:	Đơn vị tính
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT:	Bộ Y tế
QCVN:	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
MBR	Membrane Bio-Reactor: Bể phản ứng sinh học màng
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Nguyên liệu cơ bản để sản xuất 3
Bảng 2: Danh mục máy móc thiết bị 3
Bảng 3: Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở 12
Bảng 4: Sự cố có thể xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải 17
Bảng 5: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải 19
Bảng 6. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 22

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Vị trí của cơ sở..... 1
Hình 2: Quy trình sản xuất của cơ sở 2
Hình 8: Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở 6
Hình 9: Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở..... 7
Hình 5: Sơ đồ xử lý nước thải tại bể tự hoại 3 ngăn 8
Hình 6: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở 9
Hình 7: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ tại cơ sở..... 16

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Tự Hào Mỹ Tho

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 142 ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Vương Loan
- Chức danh: Chủ tịch kiêm giám đốc

- Điện thoại: 0937928573;

- Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 1201516149 cấp lần đầu ngày 28/01/2016 tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang.

2. Tên cơ sở: May gia công thú nhồi bông, ba lô, túi xách

Địa điểm cơ sở: Số 142 ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tứ cạnh tiếp giáp của cơ sở gồm:

Hình 1: Vị trí của cơ sở

- Phía Bắc giáp: Đường tỉnh 864.

- Phía Nam: giáp hẻm tổ 5, tổ 7 khu 2 ấp Chợ.

- Phía Đông: giáp hẻm tổ 5, tổ 7 khu 2 ấp Chợ

- Phía Tây: giáp nhà dân.

Giấy phép môi trường thành phần:

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 6661/GXN-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 của UBND thành phố Mỹ Tho cấp.

Quy mô của cơ sở phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: nhóm C với số vốn là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) (khoản 2, điều 10, Luật Đầu tư công 2019).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở được xây dựng trên khu đất có diện tích 2.699,9. m^2 thuộc thửa đất số 181 tờ bản đồ số 18, ấp Chợ, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Phần diện tích đất trên được chủ cơ sở thuê của bà Trần Thị Huỳnh Nga, hợp đồng đính kèm phụ lục. Diện tích sử dụng của cơ sở bao gồm 03 nhà xưởng chính và các công trình phụ trợ, quy mô xây dựng là 01 tầng.

Quy mô sản xuất của cơ sở: Cơ sở sản xuất thú nhồi bông (bán thành phẩm) với công suất tối đa đạt 1.440.000 sản phẩm/năm.

Quy mô nhân sự của cơ sở: 250 người.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

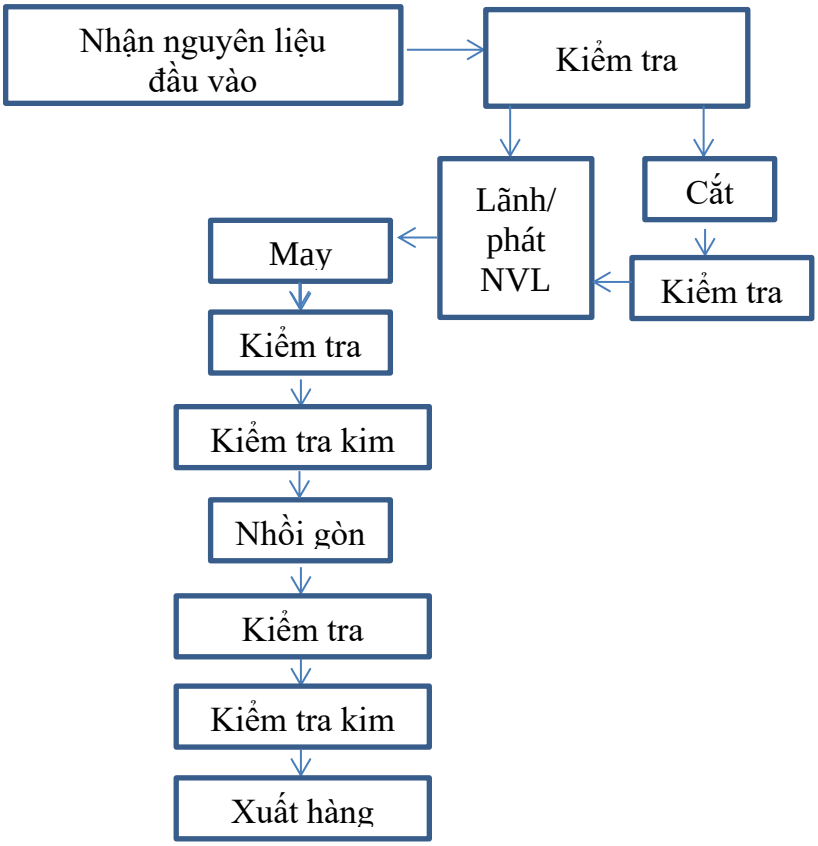

Hình 2: Quy trình sản xuất của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu sản xuất được đem về là vải, phụ kiện. Tiếp theo, nguyên vật liệu sẽ được cấp/ phát đến từng chuyền sản xuất, hoặc sẽ được cắt chi tiết sau đó đó cấp/ phát. Trong quá trình này lượng chất thải rắn phát sinh chủ yếu là chỉ vụn, vải thừa, sản phẩm bị lỗi,... Sau khi may, bán thành phẩm sẽ được kiểm tra, kiểm tra kim, nhồi gòn, sau đó kiểm tra lại lần nữa trước khi lưu kho xuất bán.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở thú bông (bán thành phẩm) với công suất tối đa 1.440.000 sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu phục vụ sản xuất

Nguyên liệu chính để phục vụ sản xuất được cung cấp từ khách hàng yêu cầu với số lượng cụ thể như sau:

Bảng 1: Nguyên liệu cơ bản để sản xuất

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng tối đa
1	Vải nguyên liệu	Tấn/tháng	5
2	Chỉ	Cuồn/ tháng	1.600
3	Kim may	Cây/tháng	2.000

Tại cơ sở có các thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 2: Danh mục máy móc thiết bị

STT	Thiết bị	Số lượng	Công suất	Xuất xứ
1	Máy may công nghiệp	200 máy	0,5Hp	Japan
2	Hệ thống làm mát hơi nước	1	1Hp	Việt Nam
3	Quạt công nghiệp	10	290W	Việt Nam

4	Máy dập (cắt) vải	2	5Hp	Việt Nam
5	Máy rà kim loại	1	0,5Hp	Việt Nam

(Công ty TNHH MTV Tự Hào Mỹ Tho, 2024)

4.3. Nhu cầu dùng điện và nguồn cung cấp điện

Điện dùng để thắp sáng và vận hành các máy móc và thiết bị trong quá trình hoạt động của nhà máy. Lượng điện tiêu thụ khoảng 12.000 – 14.000 KWh/tháng. Lượng điện này được cung cấp từ Công ty Điện lực Tiền Giang.

4.4. Nhu cầu dùng nước và nguồn cung cấp nước

Căn cứ theo hóa đơn tiền nước trong 03 tháng gần đây thì lượng nước tiêu thụ tại dự án vào khoảng 200 m^3/tháng, tương đương 7 m^3/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước cho cơ sở chủ yếu cho sinh hoạt của 230 công nhân viên tại cơ sở.

Cơ sở không tổ chức nấu ăn cho công nhân nên không phát sinh nước thải nhà ăn.

Trong quá trình hoạt động sản xuất không sử dụng nước do đó không làm phát sinh nước thải.

Nguồn nước này được cung cấp từ nhà máy nước cấp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Từ khi trong giai đoạn hình thành dự án, cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 6661/GXN-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Mỹ Tho cấp.

Do đó sự hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp quy hoạch bảo vệ môi trường địa phương.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong quá trình hoạt động của cơ sở sẽ phát sinh ra một lượng nước thải. Do đó, cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Với lưu lượng xả thải nhỏ, chất lượng nước sau xử lý đạt mức tối đa theo quy chuẩn xả thải, đồng thời nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nên hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Quá trình sản xuất của cơ sở không làm phát sinh bụi và khí thải phải xử lý, công ty cũng thực hiện các biện pháp quản lý nhằm đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

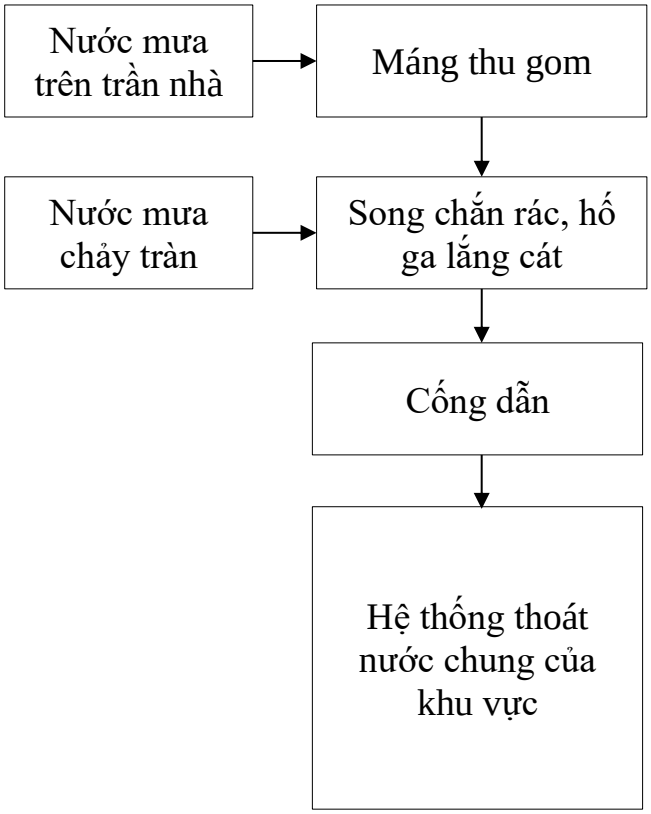

Hình 3: Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở

Cơ sở xây dựng tuyến thu gom và thoát nước mưa tách rời với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

Lượng nước mưa rơi trên bề mặt khuôn viên của cơ sở đã được bê tông hóa, được công nhân quét dọn và vệ sinh sạch sẽ hằng ngày, nên lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực này có mức độ ô nhiễm không đáng kể chủ yếu là bùn đất, cát và được xem là nước thải "quy ước sạch" nên không cần đầu tư công trình xử lý nước mưa. Lượng nước chảy tràn này theo độ dốc của mặt bằng sẽ chảy vào các hố gas thu gom bằng bê tông có song chắn rác với kích thước 90x90x100cm nhằm lắng bùn đất, cát. Định kỳ hàng tháng sẽ có công nhân nạo vét và vận chuyển lượng bùn đất này ra khu vực đất trống của nhà máy.

Nước mưa trên mái nhà hầu như không bị ảnh hưởng bởi các nguồn ô nhiễm nào sẽ theo các đường ống PVC ∅90mm thu về hệ thống cống hộp dẫn nước mưa bằng bê được bố trí xung quanh nhà máy. Nước mưa sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

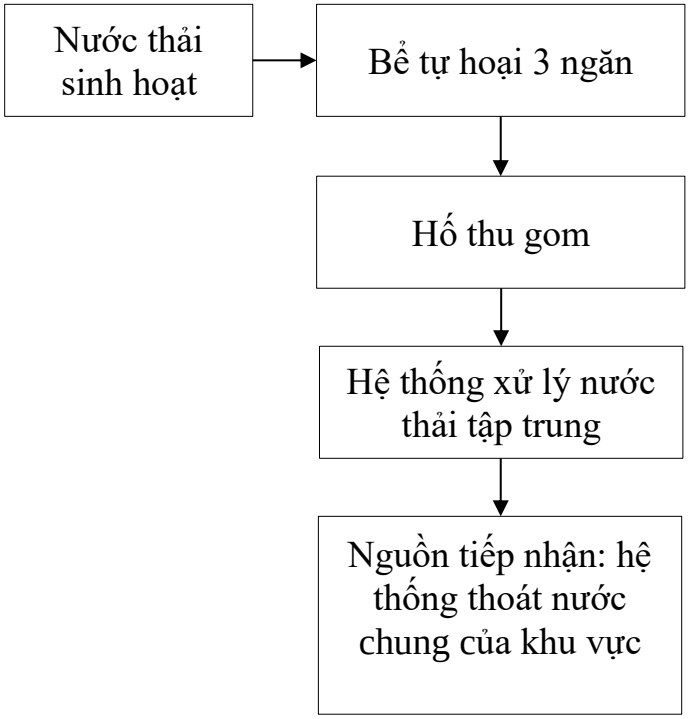

Hình 4: Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

Cơ sở xây dựng tuyến thu gom và thoát nước thải tách rời với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt của cơ sở ước tính bằng 100% lượng nước cấp, hiện tại phát sinh khoảng 7 m^3/ngày. Nước sinh hoạt tại cơ sở được thu gom từ 02 khu vực nhà vệ sinh xuống hầm tự hoại. Công ty xây dựng 02 hầm tự hoại có thể tích là 20 m^3. Nước thải sau khi xử lý ở hầm tự hoại sẽ được thu gom vào hố thu gom bằng bê tông có kích thước 1000x4000x1500cm bằng đường ống PVC ∅114 mm Nước từ các bồn rửa tay, sàn nhà vệ sinh theo đường ống PVC ∅114 về hố thu gom.

Nước từ bể thu gom được bơm về hệ thống xử lý nước thải (bể yếm khí) bằng đường ống nhựa PVC ∅60.

Nước sau xử lý được thoát ra hố gas bằng đường ống nhựa PVC ∅60 dài 40m đấu nối vào hố gas thoát nước chung trên đường hẻm tổ 5-7 khu 2, ấp Chợ, xã Trung An.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý nước thải sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn

Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi bể 20 m^3 bằng bê tông cốt thép.

Bể tự hoại 03 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 6 - 8 tháng, cặn tươi sẽ bị phân hủy sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan.

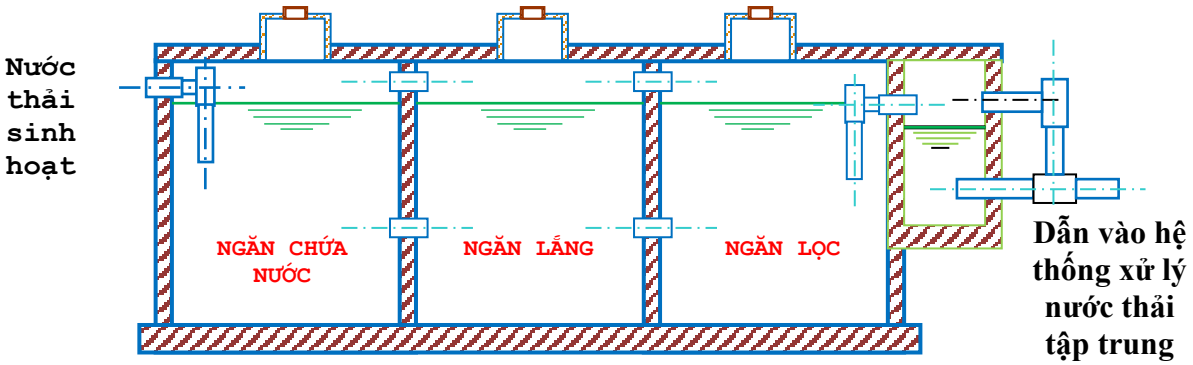

Hình 5: Sơ đồ xử lý nước thải tại bể tự hoại 3 ngăn

Vai trò của bể tự hoại lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ chứa cặn. Bể tự hoại có khả năng chịu tải trọng thay đổi và lớn không đòi hỏi bảo trì đặc biệt. Hiệu suất xử lý làm giảm 60% BOD và sau khi qua bể xử lý hoàn chỉnh thì nồng độ BOD, SS sẽ giảm 65 - 70% so với đầu vào.

Nước thải sau khi xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

Thông thường khoảng 1,5 – 2,5 năm thì lượng cặn lắng sẽ phát sinh làm đầy bể tự hoại. Do đó, Cơ sở cần phối hợp với đơn vị có chức năng xử lý để định kỳ thu gom bùn thải từ bể tự hoại.

1.3.2. Xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung – công suất của hệ thống là 10m^3/ngày.đêm

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 10 m^3/ngày nhằm xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

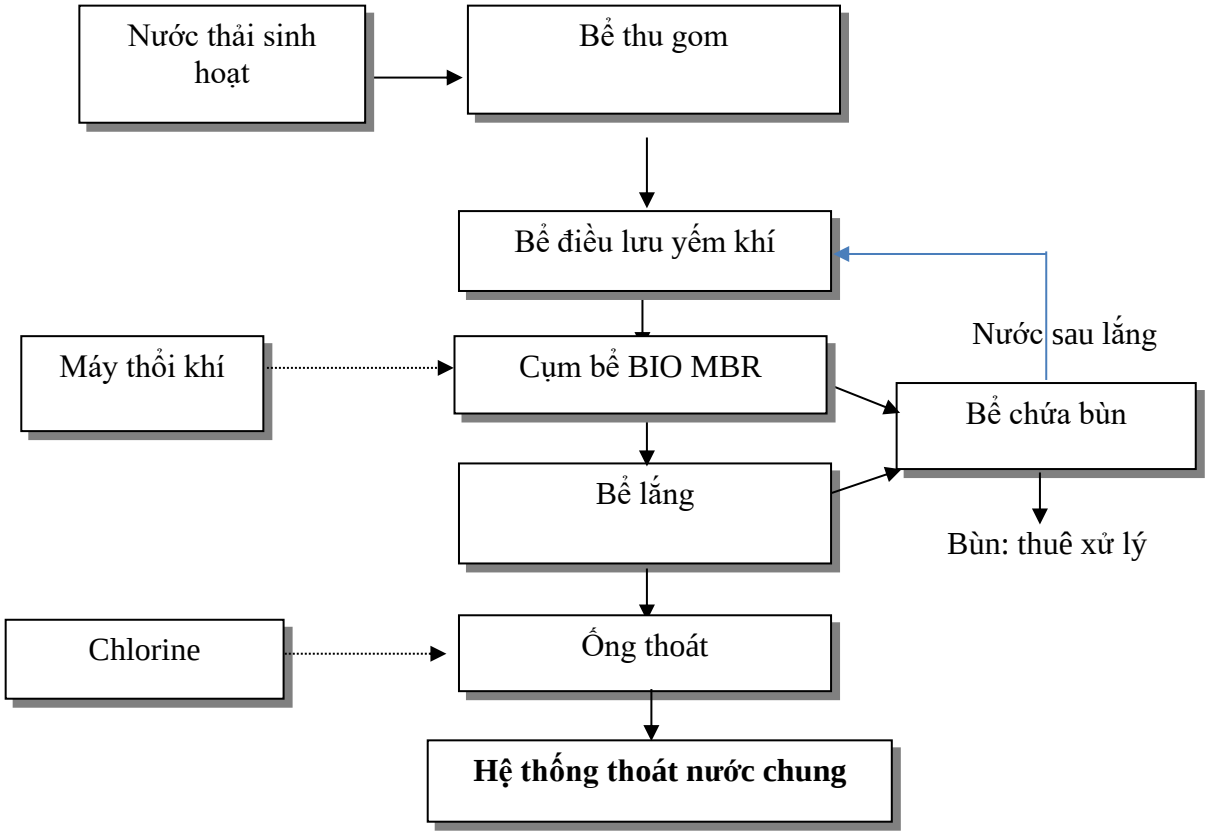

Hình 6: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải từ nhà vệ sinh sau hầm tự hoại được tập trung về hệ thống bể thu gom. Từ bể thu gom nước thải được bơm trực tiếp về điều lưu yếm khí.

Bể điều lưu yếm khí có tác dụng điều hòa hàm lượng ô nhiễm và lưu lượng nước thải do quá trình nước thải ra không đồng đều trong ngày và xử lý bớt hàm lượng chất hữu cơ có trong nước thải. Mặt khác, nhiệm vụ chính của điều hòa yếm khí là phân hủy các chất hữu cơ phức tạp thành các chất hữu cơ đơn giản, chuẩn bị cho công đoạn xử lý sinh học tại cụm bể hiếu khí và thiếu khí, lắng lọc MBR. Từ bể điều hóa yếm khí, nước thải được bơm qua 1 ống trộn có chức năng điều chỉnh pH thích hợp cho nước thải trước khi vào cụm bể Cụm bể hiếu khí và MBR

Cụm bể hiếu khí MBR: Nước thải từ bể điều lưu được bơm liên tục với lưu lượng ổn định vào cụm bể này, đây là công đoạn xử lý nước thải chính trong dây chuyền công nghệ xử lý nước thải. Quá trình sử dụng màng **MBR được cải tiến từ bể Aerotank truyền thống kết hợp với bể Anoxic và lọc màng (MBR),** là công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học kết hợp với quá trình lọc

màng để tách sinh khối, cặn lơ lửng. Trong bể duy trì hệ bùn sinh trưởng lơ lửng, các phản ứng diễn ra tại đây giống như các quá trình sinh học trên bể xử lý Aerotank. Quá trình phân hủy sinh học này hoạt động trong điều kiện hiếu khí; oxy (không khí) được cấp vào bể liên tục bằng các máy thổi khí (airblower) và hệ thống phân phối khí có hiệu quả cao với kích thước bọt khí nhỏ hơn 10 µm. Các vi sinh vật sống lơ lửng và huyền phù, chúng sử dụng các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải như một nguồn năng lượng để sống và phát triển. Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong bể xử lý sinh học được thể hiện trong hai phản ứng sau:

$$CHONS + O_2 + VK\ hiếu\ khí \rightarrow CO_2 + NH_3 + 2H_2O + Năng\ lượng$$

$$CHONS + O_2 + VK\ hiếu\ khí + Năng\ lượng \rightarrow C_5H_7NO_2\ (TB\ chất\ mới)$$

Quá trình oxy hóa các chất hữu cơ trong bể xử lý sinh học luôn tạo ra một lượng sinh khối (bùn hoạt tính); bùn này được tách bằng hệ lọc màng với kích thước màng khoảng 0,1 - 0,4 µm. Màng được đặt ngập hoàn toàn trong nước, do đó màng ở đây còn đóng vai trò như một giá thể cho vi sinh vật dính bám tạo nên các lớp màng vi sinh vật dày, làm tăng bề mặt tiếp xúc pha, tăng cường khả năng phân huỷ sinh học.

Nhờ sử dụng màng, các thể cặn được giữ lại trong bể sinh học, từ đó nồng độ bùn hoạt tính trong bể dao động từ 1.000-3.000 mg MLSS/L. Nồng độ bùn hoạt tính càng cao, tải trọng xử lý hữu cơ của bể càng lớn. Lượng khí cung cấp vào bể với mục đích: (1) cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa chất hữu cơ hòa tan thành nước và carbonic, nitơ hữu cơ và ammonia thành nitrat NO3-, (2) xáo trộn đều nước thải và bùn hoạt tính tạo điều kiện để vi sinh vật tiếp xúc tốt với các cơ chất cần xử lý, (3) giải phóng các khí ức chế quá trình sống của vi sinh vật, kéo dài thời gian lọc của màng - các khí này sinh ra trong quá trình vi sinh vật phân giải các chất ô nhiễm, (4) tác động tích cực đến quá trình sinh sản của vi sinh vật.

Phần bùn trong bể sẽ định kỳ xả sang bể hủy bùn. Bùn khô được thu gom định kỳ sẽ được chôn lấp hoặc thiêu đốt theo qui định.

Thiết bị và ống trộn khử trùng: Khử trùng là khâu bắt buộc cuối cùng trong quá trình xử lý nước thải. Tại đây nước thải chảy qua viên Chlorine tan chậm và nhằm hòa trộn với dung dịch Chlorine để tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận của nước thải là hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Toàn bộ quá trình hoạt động của hệ thống được điều khiển tự động bằng tủ

điện điều khiển.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nồng độ khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ngoài sự phụ thuộc vào tính chất của loại nhiên liệu sử dụng còn phụ thuộc vào động cơ của các phương tiện, nhằm hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng của các phương tiện vận chuyển, công ty áp dụng các biện pháp sau:

– Các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của công ty thường xuyên được bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại gây ra.

– Hằng ngày, công ty sẽ có đội vệ sinh thực hiện các công việc vệ sinh nhà xưởng, thu gom chất thải phát sinh.

– Quy định tốc độ xe di chuyển trong nhà máy: 5 km/h

– Quy định phương tiện chở đúng tải trọng theo định mức của động cơ

– Bố trí bãi xe rộng rãi, thoáng, không để các phương tiện giao thông đổ bừa bãi

– Trồng cây xanh trong khuôn viên của công ty để hạn chế sự phát tán bụi, tiếng ồn

– Phủ kín các bãi trống bằng cỏ và cây xanh trong khuôn viên nhà máy. Đồng thời tưới đường nội bộ thường xuyên nhằm giảm lượng bụi phát sinh, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Nhờ áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý mà môi trường không khí sản xuất của cơ sở đạt: QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hạn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 05 yếu tố bụi nơi làm việc. QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn hình thành trong hoạt động tổng thể của công ty là do chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong công ty và chất thải từ quá trình sản xuất. Tuy nhiên, số lượng cán bộ công nhân viên làm việc trong công ty tương đối ít và không tổ chức nấu ăn, lưu trú nên khối lượng rác thải hằng ngày cũng không lớn và hoàn toàn có thể giải quyết dễ dàng bằng biện pháp thu gom và thuê đơn vị xử lý.

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở được phân làm 2 loại gồm gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phần lớn là lượng chất thải rắn vô cơ, không nguy hại, có khả năng tái chế trong hoạt động sản xuất chủ yếu là các bao bì để đóng gói, thùng, bìa carton, kim may, vải, lõi chỉ hư hỏng. Hiện tại phát sinh khoảng 160 kg/năm. Lượng chất thải này được thu gom tại nguồn phát sinh và lưu vào kho chứa chất thải rắn thông thường của cơ sở. Kho chứa chất thải này có diện tích khoảng 04 m^2 có mái che. Lượng rác này được xem là phần dư thừa của nguyên vật liệu đầu vào sẽ thu lại bởi đơn vị đặt hàng.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở khi hoạt động hết công suất chủ yếu gồm các loại sau:

Bảng 3: Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (Kg/năm)	Mã CTNH
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
3	Giẻ lau nhớt thải	Rắn	5	18 02 01
4	Thiết bị điện tử thải	Rắn	1	19 02 06
5	Hộp mực in thải	Rắn	1	08 02 04
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	0,5	19 06 01
7	Bao bì cứng bằng thủy tinh thải	Rắn	5	18 01 04
8	Bao bì cứng (nhôm, nhựa PVC)	Rắn	5	18 01 03
Tổng lượng phát sinh			**19,5**	

Chất thải nguy hại của cơ sở được thu gom và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại.

Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 04 m^2. Đảm bảo các yêu cầu sau:

- Kho có độ cao nền cao hơn mặt đường để tránh nước mưa chảy tràn vào. Mặt nền kho được xây dựng bằng bê tông cốt thép để chống thấm, không bị sụt lún, chịu được sức nặng cao. Tường kho được xây bằng gạch để chống cháy. Có xây gờ chống tràn để tránh chất thải lỏng rò rỉ ra bên ngoài.

- Có mái che bằng tole để che kín mưa nắng, gió.

- Trong kho có các ô để phân chia riêng cho từng loại chất thải nguy hại

- Tại các ô có bố trí 02 thùng rác loại 60l có lót bao nhựa có nắp đậy hoặc các can, thùng phi cho từng loại chất thải thích hợp. Có tên loại chất thải, mã số chất thải nguy hại, biểu tượng được dán trên tường tại vị trí các ô.

- Trong kho có bố trí bình chữa cháy phong trường hợp cháy nổ xảy ra.

- Có bố trí 01 bao cát khô 05 Kg và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

- Trang bị hộp sơ cứu vết thương; bình chứa dung dịch để trung hòa khẩn cấp vết bỏng axít trong trường hợp lưu giữ chất thải có tính axít;

Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom,vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công Ty Tnhh Một Thành Viên Môi Trường Đô Thị Tp.Hcm thu gom, vận chuyển xử lý.

Công ty thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư 02:2022/TT-BTNMT, Nghị định 08:2022/NĐCP, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Công ty thực hiện tổng thể các biện pháp để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại cơ sở:

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung,..

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại những nơi có cường độ tiếng ồn cao như kính bảo hộ, khẩu trang chống bụi, ủng, găng tay, nút bịt tai,.. cho công nhân làm việc tại nơi phát sinh tiếng ồn lớn.

- Bố trí thời gian nhập nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân đang làm việc.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.

- Đối với người lao động làm việc tại những khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với thiết bị có công suất lớn.

- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn.

- Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây ồn lớn.

Đảm bảo tiếng ồn và độ rung tại cơ sở đạt:

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ:

- Lập phương án PCCC và gửi cơ quan có chức năng thẩm duyệt theo quy định, lập phương án cứu nạn cho cơ sở.

- Thành lập đội PCCC cơ sở nòng cốt. Huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở.

- Công nhân sản xuất trực tiếp phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc có thể sinh lửa, sinh nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.

- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt.

- Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.

- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.

- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

- Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống nối đất cho các thiết bị điện

Phương án ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra được thực hiện như sau:

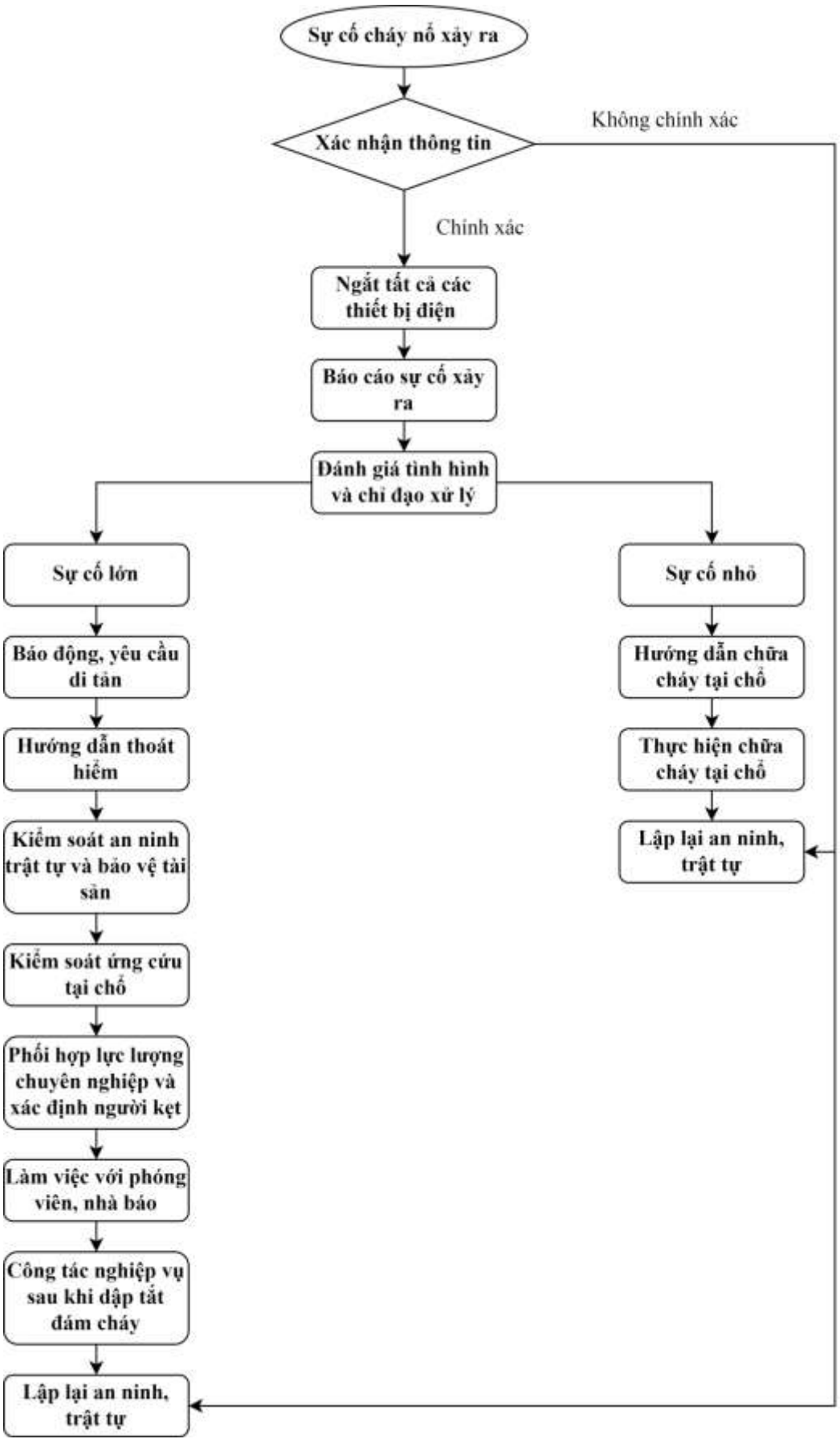

Hình 7: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ tại cơ sở

Biện pháp chống sét tại cơ sở:

- Nhà xưởng của công ty sẽ được lắp đặt hệ thống chống sét ở các khu vực cao và dễ bị sét đánh. Hệ thống chống sét được lắp đặt bằng dây dẫn nối với hệ thống tiếp địa chung. Hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ, được cải tiến theo công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho nhà máy.

- Hệ thống tiếp địa được thiết kế và lắp đặt đảm bảo độ an toàn cho người và thiết bị. Hệ thống này sẽ bao gồm cọc tiếp đất bằng đồng, đóng sâu xuống đất quanh các nhà xưởng.

- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét cho nhà xưởng, văn phòng làm việc theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9358:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Lập sổ nhật ký vận hành theo dõi hệ thống xử lý nước thải;

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào/đầu ra của hệ thống xử lý nước thải;

- Cán bộ vận hành hệ thống được hướng dẫn, đào tạo nắm rõ quy trình vận hành của từng hệ thống xử lý nước thải.

- Khi xảy ra sự cố, tạm dừng vận hành hệ thống xử lý nước thải. Tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố. Bơm nước thải từ công đoạn gặp sự cố về bể thu gom và bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Nếu trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 1 ngày, tiến hành dừng hoạt động xử lý của trạm xử lý, đồng thời liên hệ với đơn vị tư vấn để có phương án xử lý kịp thời.

Bảng 4: Sự cố có thể xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải

Hạng mục công trình	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Bể thu gom	Đầy nước	- Phao bị hỏng. - Bơm nước bị hỏng.	- Kiểm tra phao nước/ bơm nước. - Kiểm soát cân bằng lưu lượng nước đầu vào, đầu ra

Bể điều hòa	Bơm hoạt động và lên nước hay không. - Bơm hoạt động nhưng lên ít nước, yếu,… - Hết nước trong bể mà bơm vẫn hoạt động	- Mất điện hay báo lỗi trip. - Bơm bị nghẹt do vật lạ. - Bơm bị hỏng. - Sự cố ở phao điện cực. - Điện cực bị bám bẩn. - Ejector bị hỏng.	- Kiểm tra hệ thống điện, bị nhảy trip nên kiểm tra bơm trước khi nhấn trip lại. - Vệ sinh bơm, sửa chữa bơm nếu bơm bị hỏng. - Kiểm tra và vệ sinh điện cực hoặc thay mới nếu không khắc phục được. - Sửa chữa nếu Ejector bị hỏng
Bể sinh học MBR	- Máy thổi khí và hệ thống phân phối khí không hoạt động hoặc bị hỏng. - Lượng bùn vượt quá giới hạn. - Nổi bọt trắng trên bề mặt bể.	- Máy thổi khí hoạt động quá tải hoặc bị sự cố về điện,… - Chất hữu cơ trong nước thải quá tải, vi sinh vật nấm sợi tăng trưởng đột biến, chứa nhiều độc tính gây hại đến vi sinh vật xử lý bùn. - Bể bị quá tải trong giai đoạn hay mới vi sinh do lưu lượng nguồn thải đầu vào bơm không hợp lý; hàm lượng vi sinh trong bể quá ít, dưới 10%, MLSS<1000 mg/ml; nồng độ hữu cơ quá cao do COD tăng đột biến >120 mg/ml làm cho vi sinh vật bị sốc tải; chế độ xả bùn không hợp lý làm cho nồng độ vi sinh thấp.	- Kiểm tra hệ thống điện, điều chỉnh van cấp khí cho bể (tăng hoặc giảm). - Sửa chữa máy thổi khí nếu bị hỏng. - Thường xuyên kiểm tra lượng bùn trong bể, nếu bùn bị dư (cao trên 3cm), tiến hành rút bùn thải ra khỏi bể chứa, đồng thời làm sạch màng MBR. - Kiểm tra nồng độ vi sinh trong bể vi sinh, thể tích bùn lắng, pH, DO; nếu thể tích bùn lắng quá thấp so với bình thường, cần bổ sung thêm vi sinh vật trong bể hoặc giảm lưu lượng nước thải bơm vào. Nếu bề mặt bể vi sinh bọt trắng xóa và bùn đen là do nước thải đầu vào quá bẩn, xảy ra hiện tượng quá tải, cần giảm lưu lượng nước thải đầu vào. Tính toán để tỷ lệ F/M (tỷ lệ thức ăn trên nòng độ vi sinh vật = 0,2-0,6) để đạt hiệu quả xử lý nước thải.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của cơ sở.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 10 m^3/ngày (theo công suất hệ thống xử lý nước thải).

- Dòng nước thải: 1

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.

Bảng 5: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD_5	mg/l	30
3	TDS	mg/l	500
4	TSS	mg/l	50
5	Sunfua	mg/l	1
6	Amoni	mg/l	5
7	Nitrat	mg/l	30
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Photphas	mg/l	6
11	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000
Ghi chú: Giới hạn cho phép theo QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A (C_{max}, k=1)			

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực. (VN2000, 105º45', 6º): X=1143660.121; Y=561837.

+ Phương thức xả thải: tự chảy. Nước thải sau xử lý thoát ra ngoài ằng đường ống PVC ∅60 mm dài 40m đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

+ Chế độ xả thải: liên tục 24/24h

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở tiến hành thu mẫu nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải, kết quả phân tích như sau:

- Ngày lấy mẫu: 22/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Giới hạn cho phép
1	pH	-	6,5	5-9
2	BOD_5	mg/l	15	30
3	TDS	mg/l	98	500
4	TSS	mg/l	22	50
5	Sunfua	mg/l	0,006	1
6	Amoni	mg/l	1,2	5
7	Nitrat	mg/l	6	30
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	0,1	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,3	5
10	Photphas	mg/l	2	6
11	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	2.400	3.000
Ghi chú: Giới hạn cho phép theo QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A (C_{max}, k=1)				

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

- Công trình xử lý nước thải:

Bảng 6. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải	2/2025	04/2025	100%

Thời gian vận hành thử nghiệm ước tính 03 tháng.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Tần suất quan trắc: 06 tháng lần

- Thông số quan trắc: Theo thông số xin cấp phép

- Quy chuẩn số sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau hệ thống xử lý

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ Điều 97 Nghị định 08:2022/NĐCP - Quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phụ lục XXVIII ban hành kèm nghị định 08:2022/NĐCP thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Quá trình hoạt động trong 2 năm gần đây, cơ sở luôn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường, cơ sở không bị xử phạt hay nhắc nhở về các vi phạm pháp luật liên quan Bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết các nội dung đã nêu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường như trên là hoàn toàn chính xác, trung thực.

- Chủ cơ sở vận hành hiệu quả các công trình xử lý chất thải của cơ sở trong quá trình hoạt động.

- Chất lượng bụi và khí thải môi trường không khí xung quanh, môi trường không khí lao động đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam:

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- Cam kết nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt theo các tiêu chuẩn sau: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường theo hướng dẫn của Thông tư 02:2022/TT-BTNMT, Nghị định 08:2022/NĐCP, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

- Tuân thủ tuyệt đối mọi nguyên tắc an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, các nguyên tắc ứng phó sự cố môi trường.

Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và đặc biệt là để để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TIỀN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1201516149

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 01 năm 2016

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỰ HÀO MỸ THO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

142, Ấp Chợ, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0937928573* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.200.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THỊ VƯƠNG LOAN Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *02/05/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *022415503*

Ngày cấp: *14/04/2009* Nơi cấp: *Công an TP.HCM*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *212B/42 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *212B/42 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ VƯƠNG LOAN Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: *02/05/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *022415503*

Ngày cấp: *14/04/2009* Nơi cấp: *Công an TP.HCM*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 212B/42 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 212B/42 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Minh Thông

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6661 /GXN-UBND	*Mỹ Tho, ngày 19 tháng 10 năm 2016*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho xác nhận: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tự hào Mỹ Tho đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: "Cơ sở may gia công thú nhồi bông, ba lô, túi xách", địa chỉ: Số 142 ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tại Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho vào ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tự hào Mỹ Tho có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Xử lý các loại chất thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành cụ thể như sau:

- Bụi và khí thải đạt QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.

- Tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung đạt QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chất thải rắn thông thường được quản lý theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ, quy định về quản lý chất thải rắn; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

- Chất thải nguy hại được quản lý theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, về quản lý chất thải nguy hại.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: "Cơ sở may gia công thú nhồi bông, ba lô, túi xách" kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tự hào Mỹ Tho để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Phòng TN&MT Tp Mỹ Tho;
- UBND xã Trung An;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Văn Hoàng

· 기초계약서(임대차 계약갱신) 누년 ㉮환산: 23,300
· 등화표기 : 공동育 04/01/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Ngày bốn tháng một năm hai nghìn hai mươi mốt (04/01/2021), tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền giang, trụ sở số 17 Hùng Vương, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (sau đây gọi là Bên A):

Bà **TRẦN THỊ HUỲNH NGA,** sinh năm 1983, chứng minh nhân dân số 311729107 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/08/2020. Hộ khẩu thường trú tại 126 Lê Chân Tân Bình, phường Tân Long, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Và chồng là ông **Vũ Tiến Dũng,** sinh năm 1983, căn cước công dân số 082083000196 do Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư. Hộ khẩu thường trú tại 33/47/1 Tứ Hải, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108; quyển 01/2006 do UBND xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/09/2006.

Bên thuê (sau đây gọi là Bên B):

CÔNG TY TNHH MTV TỰ HÀO MỸ THO

Địa chỉ : 142ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Mã số doanh nghiệp : 1201516149 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp. Đăng ký lần đầu ngày 28/01/2016

Do bà **NGUYỄN THỊ VƯƠNG LOAN**, sinh năm 1966, chứng minh nhân dân số 022415503 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp. Chức vụ : Giám đốc làm đại diện.

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1
THỬA ĐẤT THUÊ

Bên A đồng ý cho bên B thuê toàn bộ thửa đất, theo "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" số AM515280 – Vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02755 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/05/2009, cụ thể:

- Địa chỉ: ấp Chợ, xã Bình Đức, huyện Châu Thành (nay thuộc xã Trung An, thành phố Mỹ Tho) tỉnh Tiền Giang.
- Diện tích khuôn viên đất: 2.699,90 m2 (Hai nghìn sáu trăm chín mươi chín phẩy chín mươi mét vuông).
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
- Số tờ bản đồ: 18
- Số thửa: 181
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

ĐIỀU 2
THỜI HẠN, MỤC ĐÍCH THUÊ

- Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 là là 05 (năm) năm kể từ ngày 01/02/2021.

- Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 là: Mở cơ sở kinh doanh may, thêu, in ấn, sản xuất và gia công thú nhồi bông.

ĐIỀU 3
GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. **Hai bên thỏa thuận giá thuê quyền sử dụng đất tại Điều 1 là:**

- Năm đầu giá thuê quyền sử dụng đất là: 51.115.000 VND/tháng (Năm mươi mốt triệu một trăm mười lăm nghìn đồng Việt Nam một tháng)

- Năm thứ 2 giá thuê quyền sử dụng đất là: 54.726.500VND/tháng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng Việt Nam một tháng)

- Năm thứ 3 giá thuê quyền sử dụng đất là: 58.700.000VND/tháng (Năm mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng Việt Nam một tháng)

- Năm thứ 4 giá thuê quyền sử dụng đất là: 62.200.000VND/tháng (Sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn Việt Nam một tháng)

- Năm thứ 5 giá thuê quyền sử dụng đất là: 65.980.000VND/tháng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam một tháng).

* Giá thuê trên chưa bao gồm tiền thuế GTGT, thuế TNCN. Bên B chịu trách nhiệm nộp thuế GTGT, Thuế TNCN thay cho Bên A.

2. **Phương thức thanh toán như sau:**

- Bên B sẽ thanh toán tiền thuê cho bên A thường kỳ 03 (ba) tháng một lần từ ngày 01 đến ngày 15 (dương lịch) tháng đầu tiên của kì thanh toán. Kì thanh toán đầu tiên bắt đầu là tháng 02/2021.

- Thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng. Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

3. Tiền cọc đảm bảo: để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng này, bên B thế chân cho bên A số tiền 225.000.000 VND (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó 150.000.000 VND (Một trăm năm mươi triệu đồng) này sẽ được chuyển từ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được phòng công chứng Số 1 Tỉnh Tiền Giang chứng nhận Số 1173, Quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2016. Và 75.000.000 VND (Bảy mươi lăm triệu đồng) Bên B sẽ đặt cọc thêm cho Bên A trong 5 ngày sau khi hợp đồng này được công chứng và có hiệu lực. Số tiền 225.000.000 VND (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) này bên A sẽ trả lại cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

- Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện, ngoài sự chứng kiến của công chứng viên ký dưới đây và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 4
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. **Bên A có các nghĩa vụ sau đây:**

- Chuyển giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận tại Điều 1 nêu trên cho Bên B theo đúng thỏa thuận của hai bên;

- Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất đúng mục đích;
- Nộp thuế sử dụng đất;
- Báo cho Bên B về quyền của người thứ ba đối với đất thuê, nếu có;
- Đảm bảo lối đi thuận tiện cho bên thuê.
- Trả lại tiền cọc cho Bên B theo quy định tại khoản 4, Điều 3 của hợp đồng này
- Không được chấm dứt hợp đồng khi Bên B thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, trừ trường hợp được Bên B đồng ý chấm dứt hợp đồng.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác trong hợp đồng này.
- Chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cháy nổ cho tài sản của mình

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B trả đủ tiền thuê
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng thửa đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị đất; nếu Bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì Bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu Bên B hoàn trả đất đang thuê và bồi thường thiệt hại;
- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thực hiện thu hồi, nếu bên B không trả tiền đúng hạn.
- Yêu cầu bên B trả lại thửa đất, hoàn trả hiện trạng nhà xưởng, khi thời hạn cho thuê đã hết hoặc khi bên B muốn thanh lý hợp đồng trước hạn.

ĐIỀU 5
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

1. Bên B có nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng thửa đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê.
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất.
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức thỏa thuận.
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người dân sử dụng đất xung quanh.
- Không được cho người khác thuê lại thửa đất và tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng hoặc biến tướng cổ phần, hùn vốn nhằm một đích cho thuê lại hợp đồng này mà không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Không được mở thêm lối đi tiếp giáp với bên ngoài thửa đất, chỉ được phép mở thêm cửa ra lối đi nội bộ. Trả về hiện trạng ban đầu khi bàn giao nhà xưởng.
- Bên B bảo trì và bảo quản nhà xưởng trong quá trình sử dụng, sữa chữa những hư hỏng đơn lẻ trong suốt thời gian thuê.
- Trả lại đất và nhà xưởng cho bên thuê khi hết hạn thuê, đúng diện tích, đúng hiện trạng đã thỏa thuận trong hợp đồng này và biên bản bàn giao hiện trạng. Trừ khi có sự đồng ý của bên A thì sẽ được giữ nguyên.
- Cháy nổ: Bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc phòng chống cháy nổ, và chịu trách nhiệm nếu sự cố xảy ra do lỗi bên B. Trường hợp bất khả kháng, do

thiên tai (sét đánh) hay sự cố khách quan nào khác Bên B được miễn trừ trách nhiệm.

- Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cháy nổ hàng hóa và tài sản của mình.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về tài sản cho thuê
- Yêu cầu Bên A giao đất đúng như đã thỏa thuận;
- Được sử dụng đất thuê ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.
- Các quyền khác trong hợp đồng

ĐIỀU 6
ĐIỀU KHOẢN THỎA THUẬN

Do tài sản hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang, hai bên (bên A và bên B) cam kết thực hiện đúng các điều kiện của ngân hàng, cụ thể như sau:

- Việc cho thuê không được ảnh hưởng đến hiện trạng cũng như làm giảm giá trị các tài sản nói trên.

- Trong thời hạn cho thuê tài sản, nếu bà TRẦN THỊ QUỲNH NGA và ông VŨ TIẾN DŨNG vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng/ hợp đồng cấp bảo lãnh, không toán đủ nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho ngân hàng thì quyền cho thuê các tài sản trên sẽ hết hiệu lực. Hiệu lực của hợp đồng cho thuê sẽ chấm dứt ngay khi có thong báo xử lý tài sản thế chấp từ phía ngân hàng. Khi đó, bên thuê phải giao tài sản cho ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp bà TRẦN THỊ QUỲNH NGA, ông VŨ TIẾN DŨNG và/hoặc bên thuê tài sản đầu tư thêm các vật phụ, trang thiết bị, tài sản đầu tư, lắp đặt thêm gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp. Mọi tài sản gắn liền và/hoặc phục vụ cho việc vận hành, khai thác, sử dụng tài sản thế chấp trước và trong quá trình xử lý tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp và ngân hàng được quyền xử lý.

- Tiền thuê đất được chuyển trả bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản số 7101000 1237028 của bà TRẦN THỊ QUỲNH NGA tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang.

ĐIỀU 7
VIỆC CÔNG CHỨNG VÀ PHÍ CÔNG CHỨNG

Toàn bộ phí công chứng hợp đồng này do Bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toàn án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Toàn án Kinh tế Tp.Mỹ Tho là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 9
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan

a. Những thông tin về nhân thân, về tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

c. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, thửa đất không có tranh chấp; quyền sử dụng đất không bị kê biện để đảm bảo thi hành án;

d. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc;

e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản thuê nêu trên và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

c. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10
CÁC QUY ĐỊNH NẾU THANH LÝ HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

1/ Trường hợp thanh lý hợp đồng trước thời hạn do khách quan:

Vì lý do khách quan: như thực hiện theo quyết định, chủ trương của Nhà nước, thiên tai, lũ lụt, hoặc những trường hợp bất khả kháng … mà một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hợp đồng, thì hợp đồng coi như được thanh lý mà không phát sinh thêm nghĩa vụ hoặc quyền lợi khác của hai bên

2/ Trường hợp thanh lý hợp đồng trước hạn do chủ quan:

- Trường hợp 2 bên thỏa thuận đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì tiến hành làm văn bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng trước thời hạn, tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn và các bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại theo Hợp đồng và Văn bản thỏa thuận.

- Trường hợp thanh lý hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Bên A không nộp tiền cho Ngân hàng đúng hạn dẫn đến việc tài sản bị kê biên không tiếp tục cho thuê được hoặc Bên A yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không thỏa thuận trước với Bên B, bên A trả lại tiền đặt cọc cho bên B và báo trước 6 tháng đồng thời bồi thường số tiền bằng số tiền bên B đã đặt cọc.

- Bên B yêu cầu thanh lý hợp đồng trước thời hạn mà không thỏa thuận được với Bên A , bên B không được hoàn lại tiền thế chân, và phải báo trước cho bên A ít nhất 3 tháng. Trong 3 tháng này, bên A có quyền đăng bảng cho thuê và bên B phải bàn giao mặt bằng, hoàn trả hiện trạng khi bên A tìm được đối tác thuê mới.

ĐIỀU 11
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này, hai bên (A&B) phải lập thành văn bản và có chứng nhận của cơ quan công chứng.

2. Từng bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

3. Hợp đồng này có hiệu lực thực hiện đối với hai bên (A&B) kể từ thời điểm công chứng viên chứng nhận.

BÊN A	**BÊN B**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)
Tôi đã đọc và đồng ý	Tôi đã đọc và đồng ý
Vũ Tiến Dũng	Nguyễn Thị Vương Loan
Tôi đã đọc và đồng ý	
Trần Thị Thuý Nga	

M.S.D.N: 1201516149 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỰ HÀO MỸ THO TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày bốn tháng một năm hai nghìn hai mươi mốt (04/01/2021), tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang; trụ sở số 17, đường Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, tôi **HUỲNH HỮU MINH**, công chứng viên Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang.

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất này, được giao kết giữa:

Bên cho thuê (sau đây gọi là Bên A):

Bà **TRẦN THỊ HUỲNH NGA,** chứng minh nhân dân số 311729107 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp. Hộ khẩu thường trú tại 126 Lê Chân Tân Bình, phường Tân Long, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Và chồng là ông **VŨ TIẾN DŨNG,** căn cước công dân số 082083000196 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp. Hộ khẩu thường trú tại 33/47/1 Tứ Hải, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên thuê (sau đây gọi là bên B):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỰ HÀO MỸ THO

Trụ sở tại: 142 ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Mã số doanh nghiệp: 1201516149 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp. Đăng ký lần đầu ngày 28/01/2016

Do bà **NGUYỄN THỊ VƯƠNG LOAN**, chứng minh nhân dân số 022415503 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp, chức vụ Giám đốc làm đại diện.

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ dự thảo hợp đồng này, đồng ý toàn bộ dự thảo nội dung hợp đồng, đã ký tên vào hợp đồng này trước mặt tôi.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản chính (mỗi bản chính gồm 04 tờ 07 trang), có giá trị pháp lý như nhau:

+ Bên A giữ: 01 bản chính.
+ Bên B giữ: 01 bản chính.
+ Lưu một bản chính tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang.

Số công chứng 26 Quyển số 01 TP/CC - SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1

HUỲNH HỮU MINH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 427/ĐT Quyển số: SCTĐT/BS-SCTĐT/BS

Ngày 18 tháng 07 năm 2023

PHÓ CHỦ TỊCH, UBND PHƯỜNG 9, TP MỸ THO

Lê Thị Vũ Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Bà **Trần Thị Huỳnh Nga**
Sinh năm 1983, số CMND 311729107, ngày cấp 04/08/2005, nơi cấp CA Tiền Giang
Địa chỉ thường trú: ấp Chợ Xã Bình Đức Huyện Châu Thành Tỉnh Tiền Giang

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số : 181 2. Tờ bản đồ số : 18
3. Địa chỉ thửa đất : ấp Chợ Xã Bình Đức Huyện Châu Thành Tỉnh Tiền Giang
4. Diện tích : 2699.9 m2
Bằng chữ : *Hai ngàn sáu trăm chín mươi chín phẩy chín mét vuông*
5. Hình thức sử dụng :
+ Sử dụng riêng : 2699.9 m2
+ Sử dụng chung : Không m2
6. Mục đích sử dụng : Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
7. Thời hạn sử dụng : Lâu dài
8. Nguồn gốc sử dụng :
Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất

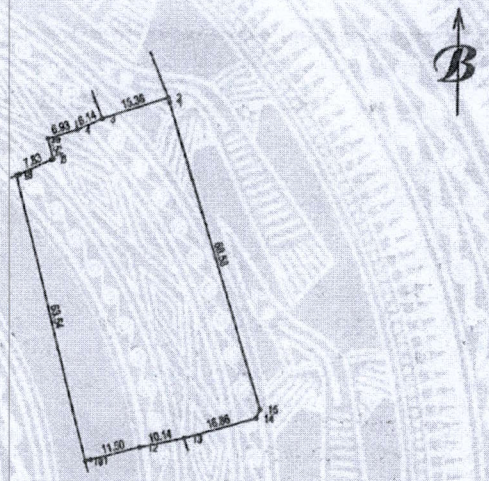

Tờ 18 thửa 181 - Tỷ lệ 1:1051

SỐ TT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y	KHOẢNG CÁCH
1	534581.545	1143800.781	
2	534581.291	1143801.747	1.00
3	534566.635	1143797.079	15.38
4	534561.013	1143794.614	6.14
5	534554.385	1143792.605	6.93
6	534555.618	1143788.232	4.54
7	534555.190	1143788.098	0.45
8	534548.050	1143784.883	7.83
9	534547.426	1143784.602	0.68
10	534562.564	1143722.889	63.54
11	534563.728	1143723.180	1.20
12	534574.826	1143726.198	11.50
13	534584.717	1143728.424	10.14
14	534600.858	1143733.296	16.86
15	534601.756	1143735.250	2.15
1	534581.545	1143800.781	68.58

Ngày 19 tháng 5 năm 2006
TM. Uỷ ban nhân dân
CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Trần Văn Thạo

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : H 02755

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
23. 02. 2011	+ Điều chỉnh: Đổi tên xã Cẩm, xã Bình Phú, huyện Thanh Thủy thành thị xã Phú Thọ, xã Trung Hà, TP. Việt Trì.	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Đoàn Văn Nỡ.
15/3/2011	Kèm theo bản này có trang bổ sung số 01.	Đoàn Văn Nỡ

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.

3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

S6AM 515280

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Xóa nội dung đăng ký thế chấp *ngày ..... tháng ..... năm .....* *theo hồ sơ số: 1875 (GHP)*	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ MỸ THO Trần Thị Thu Hương
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại NH TMCP Đầu Tư và PTVN-CNTG-PGD Chợ Gạo, địa chỉ: 294 Quốc Lộ 50, Ô1 khu 2, TT.Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang theo hồ sơ số 005997.TC.001. HĐ số: 01/2018/2877609/HĐBĐ ngày 10/9/2018 (2925).	ngày 10 tháng 10 năm 2018 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ MỸ THO Nguyễn Thị Hồng Lệ
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất (thế chấp lần 2) tại NH TMCP Đầu Tư và PTVN-CNTG, địa chỉ: 208A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang theo hồ sơ số 005997.TC.002. HĐ số: 02/2018/2877609/HĐBĐ ngày 25/10/2018 (3541).	ngày 25 tháng 10 năm 2018 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ MỸ THO Trần Thị Thu Hương
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất (thế chấp lần 3) tại NH TMCP Đầu Tư và PTVN-CNTG, địa chỉ: 208A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005997.TC.003. HĐ số: 01/2021/2877609/HĐBĐ ngày 26/01/2021 (339).	Ngày 26 tháng 01 năm 2021 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ MỸ THO Nguyễn Văn Minh

(Chuyển tiếp Trang bổ sung số:.....)

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 414 Tờ bản đồ số: 28

Số phát hành GCN: BH 513280 Số vào sổ cấp GCN: H 02715

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng đất thửa 414 tờ BĐ 28 theo HĐ số 01/2011/HĐTC ngày 18/03/2011 tại CN NH TMCP Đầu tư và PTVN - CN Mỹ Tho, tổ 33, ấp 2, xã Tân Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho, Tiền Giang. Số vào sổ 81 ngày 18/03/2011. Mã vạch: 01/2011/HĐTC ngày 18/03/2011.	Đoàn Văn Nỉ
Thế chấp bằng QSDĐ với NH ... ĐC: ... tổ 864, ấp 4, xã Mỹ Tho, ... HĐ số: ... ngày 30/01/2013 Số vào sổ: 2214	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Đoàn Văn Nỉ 16/12/2013
Thế chấp bằng QSDĐ với NH ... ĐC: ... tổ 864, ấp 4, xã Mỹ Tho, ... HĐ số: ... ngày 09/11/2013 Số vào sổ: 1762	Mã Thúc Hương GIÁM ĐỐC 01/2014
Thế chấp bằng QSDĐ với NH ... ĐC: ... tổ 864, ấp 4, xã Mỹ Tho, ... HĐ số: ... ngày 31/01/2014 Số vào sổ: 214	GIÁM ĐỐC Đoàn Văn Nỉ 24/10/2014
Thế chấp bằng QSDĐ với NH ... ĐC: ... tổ 864, ấp 4, xã Mỹ Tho, ... HĐ số: ... ngày 20/10/2014 Số vào sổ: 2167	PHÓ GIÁM ĐỐC Đoàn Văn Nỉ 24/10/2014
Thế chấp bằng Quyền sử dụng đất tại: thửa đất số 414 tờ BĐ số 28 tại xã Tân Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho, tổ 33, ấp 2, tổ 864, ấp 4, xã Mỹ Tho, TP Mỹ Tho theo hồ sơ số: 54 (01/2016/2877609/1007 ngày 01/01/2016)	PHÓ GIÁM ĐỐC Đoàn Văn Nỉ 19/10/2016
Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký đổi tên ngân hàng: TMCP Đầu Tư & PTVN - CNTG MT thành NH TMCP Đầu Tư & PTVN - CNMT - PGD ... Lô 33 tổ 864, xã TA, TP MT, TG theo hồ sơ số 2092 TC 001. HĐTC: 02/2016/2877609/... ngày 11/10/2016. (2897)	Nguyễn Minh Tâm 19/10/2016 KT. GIÁM ĐỐC Trang bổ sung này thay thế Nguyễn Minh Tâm

Trang bổ sung này thay thế Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: Số 4A Đường 30/4, Phường 1, TP. Mỹ Tho,Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Mã số thuế: 1200100814

Ký hiệu: 1K24TCN

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Số: 2063266

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ hóa đơn: **9 / 2024**

Từ: **02/08/2024** đến: **02/09/2024**

Tên khách hàng: **Cong ty TNHH MTV Tu Hao My Tho**

Địa chỉ: **142 AP CHO, XA TRUNG AN,tpMT-TG,Viet Nam**

Mã số thuế: **1201516149** Mã số khách hàng: **01042987** Danh bộ: **CQ015519911**

Biên lai: Định mức: **0** Lộ trình: **960**

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M³ Tiêu thụ	Đơn giá (đ)	Tiền nước (đ)
1734	1931	197		
		197	10.000	1.970.000
			- Cộng tiền nước (1)	1.970.000
			- Phí NTSH (10% tiền nước) (2)	0
			- Thuế GTGT (5% tiền nước) (3)	98.500
			- Tổng tiền thanh toán (1) + (2) + (3)	**2.068.500**

Số tiền bằng chữ: *Hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng chẵn./.*

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Ngày ký: 16-09-2024

SX

Mã nhận hóa đơn: **9ec09c1** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-020**

Địa chỉ *(Address):* Số 07 đường Học Lạc, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Mỹ Tho - Số TK: 113000013746 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THA**

Số *(No):* **1144559**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH Một thành viên Tự Hào Mỹ Tho

Mã số thuế *(Tax code):* 1201516149

Địa chỉ *(Address):* 142 Ấp Chợ Xã Trung An TP Mỹ Tho Tiền Giang Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB08010073913

Số tài khoản*(Account No):*070059732704 Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024	kWh	13.629	-	31.620.474
	(kèm theo bảng kê số 1457865595 ngày 02 tháng 12 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**31.620.474**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**2.529.638**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**34.150.112**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn một trăm mười hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG
Ngày ký: 02/ 12/ 2024 10:55:05

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-020**

Địa chỉ *(Address):* số 07 Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Mỹ Tho - Số TK: 113000013746 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THA**

Số *(No):* **1086560**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH Một thành viên Tự Hào Mỹ Tho

Mã số thuế *(Tax code):* 1201516149

Địa chỉ *(Address):* 142 Ấp Chợ Xã Trung An TP Mỹ Tho Tiền Giang Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB08010073913

Số tài khoản*(Account No):*070059732704 Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	14.100	-	32.176.080
	(kèm theo bảng kê số 1448944283 ngày 02 tháng 11 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**32.176.080**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**2.574.086**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**34.750.166**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG
Ngày ký: 02/ 11/ 2024 15:33:55

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-020**

Địa chỉ *(Address):* số 07 Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Mỹ Tho - Số TK: 113000013746 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THA**

Số *(No):* **965901**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH Một thành viên Tự Hào Mỹ Tho

Mã số thuế *(Tax code):* 1201516149

Địa chỉ *(Address):* 142 Ấp Chợ Xã Trung An TP Mỹ Tho Tiền Giang Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB08010073913

Số tài khoản*(Account No):*070059732704 Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	11.720	-	25.866.080
	(kèm theo bảng kê số 1435858972 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**25.866.080**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**2.069.286**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**27.935.366**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG
Ngày ký: 02/ 10/ 2024 12:57:49

Mẫu số PC12

CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1754/NT-PCCC&CNCH
Về việc kiểm tra kết quả nghiệm thu PCCC

Tiền Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Tự hào Mỹ Tho.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số: 2259/TD-PCCC ngày 31/7/2023 và Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số: 439/TD-PCCC ngày 19/01/2017 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Tiền Giang cấp.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 11/01/2024 của Công ty TNHH MTV Tự hào Mỹ Tho

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Nguyễn Thị Vương Loan

Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 12/01/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH và các bên lập. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Nhà máy sản xuất với các nội dung sau :

Địa điểm xây dựng: Số 142 ấp Chợ, xã Trung An, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Tự hào Mỹ Tho.

Đơn vị thi công Xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Dũng Sài Gòn.

Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH Sơn Hải Lý

Đơn vị tư vấn giám sát về PCCC: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trân Thịnh.

Quy mô công trình:

Công trình bao gồm Nhà xưởng 1 với diện tích xây dựng 1.050 m^2; quy mô 01 tầng; Nhà xưởng 2 với diện tích xây dựng 200 m^2; quy mô 01 tầng và Nhà xưởng 3 với diện tích xây dựng 686 m^2; quy mô 01 tầng .

Nội dung nghiệm thu:

1. Lối đường thoát nạn.
2. Khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
3. Giao thông phục vụ chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy.
4. Hệ thống báo cháy tự động.

5. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.

6. Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà.

7. Phương tiện chiếu sáng sự cố chỉ dẫn thoát nạn.

8. Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

9. Hệ thống chống sét.

10. Dụng cụ phá dỡ thô sơ.

Để bảo đảm an toàn PCCC cho công trình trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH MTV Tự hào Mỹ Tho thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúngchức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để thẩm duyệt theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: PCCC(Đội 2).N.06b.

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Bùi Hữu Thiện

CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2259/TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số..01.. ngày 23 tháng 7 năm 2023 của: Công ty TNHH MTV Tự Hào Mỹ Tho

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Nguyễn Thị Vương Loan *Chức vụ: Giám đốc*

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler nhà máy

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải:

Số 142, ấp Chợ, xã Trung An, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV Tự Hào Mỹ Tho

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Sơn Hải Lý, Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Dũng Sài Gòn

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Lối, đường thoát nạn, bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy nổ, bố trí công năng đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC; phương án chống sét, chống tĩnh điện; giải pháp ngăn cháy lan; phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, giải pháp thông gió tự nhiên, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC, phương tiện phá dỡ thô sơ.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Lưu: PCCC

Tiền Giang, ngày 31 tháng7 năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Bùi Hữu Thiện

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/ PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 2259/TD-PCCC ngày 31/7/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)

TT	Nội dung	GHI CHÚ
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH/ PHƯƠNG TIỆN**	
1.	Công trình có quy mô:	
	- Nhà xưởng thuộc công ty TNHH MTV Tự Hào Mỹ Tho có diện tích đất sử dụng 2.699,9m^2 gồm: - Nhà xưởng 1 có diện tích xây dựng 1.050 m^2, quy mô 01 tầng. - Nhà xưởng 2 có diện tích xây dựng 200 m^2, quy mô 01 tầng. - Nhà xưởng 3 có diện tích xây dựng 686 m^2, quy mô 01 tầng và các công trình phụ trợ khác	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	
1	Mặt bằng định vị; mặt bằng tổng thể; kiến trúc; mặt bằng chi tiết, kết cấu: MBTT-01, MBTT-02; KT-01 đến KT-10; KC-00 đến KC-07	
2	Hệ thống chống sét: PCCC-13 đến PCCC-14	
3	Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: PCCC-00 đến PCCC-08	
4	Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: PCCC-09 đến PCCC-11	
5	Giải pháp thông gió tự nhiên: PCCC-12	
6	Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC: PCCC-08	
7	Phương tiện phá dỡ thô sơ: PCCC-00	

Yêu cầu: *Chủ đầu tư phải thi công, lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng bản vẽ thiết kế, trong quá trình thi công lắp đặt có phát sinh thay đổi phải liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH để được hướng dẫn./.*

Lưu ý*: Thông tin tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt này chỉ xác nhận đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các tiêu chí về quy hoạch xây dựng./.*